

Bản án số: 162/2020/ HSST

Ngày: 28/9/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Thủy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tạ Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Quốc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 105/2020/HSST ngày 30 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn C, tên gọi khác: Không; sinh năm 1986; tại TY – Bắc Giang; trú tại: Thôn S, xã QT, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị T; có vợ là: Ngô Thị H (đã ly hôn), vợ chồng có một con chung sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo C: Bà Nguyễn Thị D – Trợ giúp viên Pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Đàm Thế S, tên gọi khác: Không; sinh năm 1987; tại TY – Bắc Giang; trú tại: Thôn ĐS, xã PS, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đàm Thế P (Đã chết) và bà Kiều Thị M; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Tại Bản án số 218 ngày 27/4/2010, Tòa phúc thẩm TAND tối cao xử phạt 11 năm tù, về tội “Giết người” và “Cướp tài sản”, chấp hành xong hình phạt, ra trại ngày 04/02/2018, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định số 03 ngày 30/01/2007, bị Công an huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt hành chính số tiền 350.000 đồng về hành vi “Đánh nhau”, đã chấp hành xong quyết định, đã được xóa vi phạm.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989;

Trú tại: Xóm ĐĐ, xã TC, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1986;

Trú tại: Xóm ĐĐ, xã TC, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985;

Trú tại: Tổ dân phố ĐT, phường BB, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 11/3/2020, chị Nguyễn Thị M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen, BKS 20H1-225.86, đăng ký mang tên anh Nguyễn Trọng N (chồng chị M) trên đường đi làm về. Khi đến quán tạp hóa LT, thuộc tổ dân phố ĐT, phường BB, Phổ Yên, Thái Nguyên chị M vào mua hàng và dựng xe ở trước cửa quán. Lúc này, Đàm Thế S điều khiển xe mô tô Honda Wave màu trắng (Sinh không nhớ biển số) chở phía sau là Bùi Văn C đi qua thì quan sát thấy xe mô tô của chị M đang để trước cửa nhưng không có người trông giữ. Thấy vậy, C bảo S điều khiển xe mô tô quay lại nhằm mục đích trộm chiếc xe mô tô của chị M. S đèo C quay lại và vào quán hỏi mua thuốc lá để C ở bên ngoài có thời gian trộm cắp xe. Sau khi S mua thuốc lá xong đi ra thì thấy C vẫn chưa lấy được xe. Lúc này, C tiếp tục bảo S vào hỏi mua khẩu trang

nhằm mục đích đánh lạc hướng của những người xung quanh để C ở ngoài có thêm thời gian lấy xe. Sau khi S vào hỏi mua khẩu trang, C ở bên ngoài đã dùng vạm phá khóa, phá khóa điện của chiếc xe rồi nổ máy phóng đi. Khi thấy C đã lấy trộm được chiếc xe mô tô của chị M thì S cũng lên xe mô tô của mình đi ngay phía sau C. Cả hai đi đến gần khu công nghiệp Diêm Thụy thì C dùng xe tháo gương, tháo biển kiểm soát thì S cũng điều khiển xe mô tô đi đến và cùng tháo biển số chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được với C. Sau khi tháo xong, S mở cốp xe, đưa cho C 01 chiếc biển kiểm soát 20B1-182.80 mà S có sẵn từ trước để C lắp vào xe mô tô rồi S điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được còn C lại điều khiển xe mô tô của S đi về phòng trọ của S ở phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên để cất giấu. Đến sáng ngày 12/3/2020, khi S đang ở phòng trọ thì bị lực lượng Công an tỉnh Bắc Giang đến triệu tập làm việc và tạm giữ chiếc xe mô tô nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 24 ngày 01/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Phổ Yên, kết luận: *“01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Wave, BKS 20H1-225.86, màu sơn xanh – đen, dung tích 97 cm³, có số máy C112E5359690; Số khung 121XDY359496, trị giá là 7.000.000 đồng”*.

Quá trình giải quyết vụ án, Bùi Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Đối với Đàm Thế S, lời khai ban đầu S khai nhận: Khi đi cả hai không có ý định trộm cắp xe mô tô và không bàn bạc gì với nhau nhưng khi đi qua cửa hàng tạp hóa Luyện Thảo thì S và C phát hiện thấy mấy chiếc xe mô tô của chị Nguyễn Thị M dựng ở cửa quán nên C đã bảo S vào mua thuốc lá. S hiểu ý C là vào mua thuốc lá để C ở ngoài quan sát và lấy trộm xe. Khi S mua thuốc lá quay ra thì C vẫn chưa trộm cắp được xe nên C bảo S vào mua khẩu trang, S hiểu ý vào mua khẩu trang để đánh lạc hướng chủ cửa hàng để C lấy xe. Sau đó, S vào mua khẩu trang, khi quay ra thì C đã lấy được xe. S điều khiển xe mô tô đi theo C rồi cùng C tháo biển số xe, lắp chiếc biển số S để trong cốp xe mô tô của S từ trước vào rồi S điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được, C điều khiển xe mô tô của S về phòng trọ của bạn gái S tại phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên cất giấu chiếc xe. Sau đó, S thay đổi lời khai cho rằng việc C lấy xe mô tô S không biết và S vào quán để mua khẩu trang là do khẩu trang của S bị cũ, bẩn.

Vật chứng của vụ án là 01 xe ô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh – đen, dung tích 97 cm³, có số máy C112E5359690; Số khung 121XDY359496 cùng 01 biển số 20H1-225.86 trong cốp xe đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị M quản lý, sử dụng. Đối với chiếc xe mô

tô Hon da Wave màu trắng mà Đàm Thế S sử dụng để đèo C đi trộm cắp tài sản hiện là vật chứng trong vụ án khác nên Cơ quan điều tra không xem xét, giải quyết.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên. Đối với Đàm Thế S ban đầu khai nhận không biết ý định của C bảo quay lại quán để C trộm cắp mà quay lại quán là do C bảo hết thuốc lá thì quay lại mua, sau đó S vào mua thuốc lá rồi quay ra sau đó thấy khẩu trang bị bẩn nên lại quay lại mua chứ không phải để đánh lạc hướng những người xung quanh để cho C trộm cắp xe... Nhưng sau đó S đã khai nhận lúc đầu S vào mua thuốc lá quay ra vẫn chưa thấy C trộm cắp được xe, C đã bảo S vào mua khẩu trang nên S đã quay lại mua khẩu trang để cho C có thời gian phá khóa xe. Sau khi C nổ máy lấy được xe đi thì S đã đi theo sau, khi C dừng lại tháo biển số xe thì S đã hỏi C xe vừa trộm được ở quán à, C bảo ừ, S đã cùng C tháo biển số xe rồi đưa biển số xe có sẵn đưa cho C lắp vào xe để nhằm tránh sự phát hiện của chủ xe, tiếp đó S đã đi xe mà C trộm cắp về phòng trọ. S thừa nhận mình đã có hành vi giúp sức cho C để C trộm cắp được chiếc xe của chị M.

Tại bản cáo trạng số: 117/CT-VKSPY ngày 24/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Bùi Văn C và Đàm Thế S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn C và Đàm Thế S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt Bùi Văn C từ 12 tháng đến 15 tháng tù giam; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt Đàm Thế S từ 18 tháng đến 24 tháng tù giam. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc giải quyết; về án phí: Miễn án phí hình sự cho bị cáo C; bị cáo S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì, xác định hành vi phạm tội của mình bị truy tố và đưa ra xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nói lời nói sau cùng: Các bị cáo gửi lời xin lỗi bị hại, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.1]. Về sự vắng mặt của người bào chữa cho bị cáo: Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Cử là bà Nguyễn Thị D vắng mặt, bà D là người bào chữa theo chỉ định. Tuy nhiên bà D có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời gửi bản luận cứ bào chữa cho bị cáo. Bị cáo C đồng ý đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt người bào chữa. Xét thấy đề nghị của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và cũng đúng quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 291 Bộ luật tố tụng hình sự, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, vật chứng thu giữ trong vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 12 giờ ngày 11/3/2020, tại cửa hàng tạp hóa Luyến Thảo, ở tổ dân phố ĐT, phường BB, Phổ Yên, Thái Nguyên, Bùi Văn C và Đàm Thế S đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Wave, BKS 20H1-225.86, màu sơn xanh – đen, dung tích 97 cm³, có số máy C112E5359690; Số khung 121XDY359496. Trong quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Bùi Văn C là người trực tiếp thực hiện hành vi phá khóa xe, rồi lấy được xe đi. Đàm Thế S không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nhưng đã có hành vi giúp sức cho Cử bằng cách vào cửa hàng hỏi mua thuốc là và khẩu trang nhằm đánh lạc hướng chủ quán cùng những người xung quanh nhằm tạo điều kiện cho C ở bên ngoài có thời gian trộm cắp chiếc xe mô tô nêu trên. Sau khi lấy được tài sản, C lên xe vừa trộm cắp được đi, khi thấy C đi thì S cũng đi theo sau. Sau đó cả hai dừng lại cùng nhau tháo biển số xe, S đưa cho C 01 biển số 20B1-182.80 để C lắp vào xe vừa trộm cắp để tránh sự phát hiện, rồi S đi xe vừa trộm cắp được về phòng trọ của bạn gái S ở phường Thịnh Đán, thành phố

Thái Nguyên cất giấu, đến ngày 12/3/2020 thì bị lực lượng Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện, thu hồi. Trị giá chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Wave, BKS 20H1-225.86, màu sơn xanh – đen, dung tích 97 cm³, có số máy C112E5359690; Số khung 121XDY359496 mà Cử và Sinh trộm cắp của chị Nguyễn Thị M có giá trị là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Hành vi, ý thức nêu trên của Bùi Văn C và Đàm Thế S đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do đó, Bản cáo trạng số: 117/CT-VKSPY ngày 24/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên truy tố Bùi Văn C và Đàm Thế S về tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4] Về vị trí vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất, phân công cụ thể nên xác định không có tổ chức. Bị cáo C là người khởi sự và tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo S giữ vai trò đồng phạm, là người giúp sức.

[5]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Các bị cáo đều xuất thân từ nhân dân lao động, xong đã không chịu khó lao động, thích kiếm tiền trên sức lao động của người khác nên đã dẫn các bị cáo đến việc phạm tội. Bị cáo C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo S phải chịu một tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên cho các bị cáo được hưởng chung tình tiết giảm nhẹ quy định tại s khoản 1 Bộ luật hình sự. Bị cáo C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có công với cách mạng nên cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét tính chất của vụ án, căn cứ vào vị trí, vai trò và nhân thân của các bị cáo, thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo thì mới có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt.

Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là hơi cao. Bởi trong vụ án này bị cáo C và người khởi xướng và tích cực thực hiện tội phạm nhưng bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo S có một tiền án, là người có nhân thân xấu, trong vụ án giữ vai trò đồng phạm giúp sức, tài sản mà các bị cáo trộm cắp đã thu hồi và trả lại cho bị hại. Nên cần chiếu cố xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Xử các bị cáo dưới mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[6]. Về vật chứng của vụ án gồm: 01 xe ô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh – đen, dung tích 97 cm³, có số máy C112E5359690; Số khung 121XDY359496 cùng 01 biển số 20H1-225.86 trong cốp xe đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị M quản lý, sử dụng. Nên không đặt ra việc giải quyết.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Chị M đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Nên không đặt ra việc giải quyết.

[8]. Về án phí: Bị cáo C là hộ nghèo nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo C. Bị cáo S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

[10]. Đối với chiếc biển số xe 20B1-182.80 mà các bị cáo sử dụng để lắp vào xe sau khi trộm cắp được, Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định xác định biển số nguyên thủy là 20E1-162.86 nên đang tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave màu trắng mà Đàm Thế S sử dụng để đi trộm cắp tài sản, hiện là vật chứng trong vụ án khác nên Cơ quan điều tra không xem xét, giải quyết là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn C, Đàm Thế S phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo: Bùi Văn C 09 (chín) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo: Đàm Thế S 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo C, S.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về vật chứng: Không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Văn C. Bị cáo Đàm Thế S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKDND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- Thi hành án thị xã Phổ Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- UBND xã T, PS
- Bị cáo;
- Tòa án huyện TY
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy